

# PHÂN TÍCH KẾT CẤU THƠ ĐƯỜNG LUẬT QUA BÀI THƠ TĨNH DẠ TỨ CỦA LÝ BẠCH

## Analyze the structure of Tang Luat poetry through the poem Ly Bach's calm mind

Nguyễn Minh Ca<sup>1</sup> và Nguyễn Thanh Đào<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Giảng viên khoa XHNV & Truyền thông, Trường Đại học Tây Đô, Cần Thơ, Việt Nam  
nguyenminhca@gmail.com

<sup>2</sup>Bộ môn Du lịch, Trường Đại học Tây Đô, Cần Thơ, Việt Nam  
nguyendaol149@gmail.com

**Tóm tắt** — Với các phương pháp lịch sử, phân tích tổng hợp và các thao tác chứng minh, phân tích, bình luận,... bài viết làm rõ kết cấu thơ Đường qua bài Tĩnh dạ tứ của nhà thơ Lý Bạch. Đồng thời, thông qua các đặc trưng về niêm, luật, vần, bố cục, kết cấu được phân tích, bài viết góp phần khẳng định phong cách, tài năng của nhà thơ Lý Bạch.

**Abstract** — With historical methods, synthesis analysis and manipulations of proof, analysis, commentary, etc., the article clarifies the Tang poetry structure through Tĩnh dạ tứ by Ly Bach. At the same time, through the characteristics of seal, law, rhyme, layout and structure analyzed, the article contributes to affirming the style and talent of poet Ly Bach.

**Từ khóa** — Thơ Đường, Lý Bạch, Tĩnh dạ tứ, Tang poetry, Ly Bach.

### 1. Giới thiệu

Lý Bạch là một trong những nhà thơ lớn của thời Đường Trung Quốc, các sáng tác của ông đa phần theo trào lưu lãng mạn. Là một nhà thơ có hoài bão từ nhỏ, Lý Bạch đi nhiều nơi để thực hiện lí tưởng chính trị của mình, giúp đỡ nhân dân song cho đến cuối đời nguyện vọng ấy vẫn chưa thực hiện được. Lý Bạch cùng với Đỗ Phủ được xem là biểu tượng thi nhân lỗi lạc của Trung Quốc, thậm chí là khu vực Đông Á đồng văn. Tại Việt Nam, thơ của Lý Bạch được đưa vào giảng dạy ở các cấp học từ trung học, đại học và sau đại học; được nhiều học giả Việt Nam nghiên cứu và giảng dạy.

Bài thơ được viết trong hoàn cảnh lúc tác giả xa quê và đang trên con đường thực hiện lí tưởng chính trị của bản thân. Thuở nhỏ, Lý Bạch thường lên đỉnh núi Nga Mi ở quê nhà ngắm trăng. Từ năm 25 tuổi, ông đã xa quê và xa mãi. Bởi vậy, cứ mỗi lần thấy trăng là nhà thơ lại nhớ tới quê nhà. “*Tìm tiên và ngao du sơn thủy khiến Lý Bạch suốt đời đi đến rất nhiều danh lam thắng cảnh, dấu chân ông dường như đi khắp đất nước Trung Quốc. Sự hun đúc của thiên nhiên cộng với tinh thần lãng mạn khiến ông có một tâm hồn hào phóng, một tấm lòng rộng mở và có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành phong cách thơ ca của ông*” (Lê Huy Tiêu và các đồng sự (dịch), 3003, tr.492). Với tài năng và những đóng góp của mình, Lý Bạch được hậu bối tôn làm thi tiên (hay thi hiệp). Bài thơ Tĩnh dạ tứ có thể được xem là kết tinh của tài hoa thơ Lý Bạch viết theo thể Đường luật.

### 2. Nội dung

#### 2.1. Thơ Đường luật và bài thơ Tĩnh dạ tứ

Về mặt khái niệm thơ Đường luật (còn gọi là thơ cận thể): Đây là thể thơ được hình thành vào thời nhà Đường ở Trung Quốc, có những quy định rất chặt chẽ về luật, niêm, đối, bố cục, được các nhà thơ Trung Quốc đời Đường sử dụng trong sáng tác và được xem như là khuôn mẫu về thơ. Thơ Đường luật có ảnh hưởng rất lớn đến các nhà thơ giai đoạn này và các nước đồng văn Đông Á, trong đó có Việt Nam. Thơ Đường luật là “*thể thơ cách luật ngũ ngôn hoặc thất ngôn được đặt ra từ đời Đường ở Trung Quốc. Thơ Đường luật có ba dạng chính: thơ bát cú, thơ tứ tuyệt và thơ bài luật (dạng kéo dài của thơ Đường luật)*”. Trong đó, thơ bát cú, nhất

là thất ngôn bát cú được gọi là dạng cơ bản” (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử và Nguyễn Khắc Phi, 2000, tr.265).

Do có những quy định chặt chẽ nên thể loại thơ này được xem như cách thể hiện trình độ, tài năng của các nhà thơ. Tại Việt Nam, nhiều nhà thơ như: Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Tú Xương,... đã sử dụng thể thơ này sáng tác nhiều bài thơ rất giá trị. Tuy nhiên, hạn chế về dung lượng cũng như gò bó về hình thức nên thể thơ này khó thể hiện hết tâm tư tình cảm, sự phóng khoáng của người viết và không còn phù hợp với đời sống hiện đại. Một số nhà thơ tài năng, đôi khi bỏ qua các quy định của luật thơ (phá cách) nhằm thể hiện cá tính tài năng của mình. Lý Bạch là một trong những nhà thơ như vậy.

#### **Tĩnh dạ tứ**

*Sàng tiền minh nguyệt quang,*

*Nghi thị địa thượng sương.*

*Cử đầu vọng minh nguyệt,*

*Đề đầu tư cố hương.*

#### **Dịch nghĩa**

Đầu giường trăng sáng soi,

Ngõ là sương trên mặt đất.

Ngẩng đầu nhìn vầng trăng sáng,

Cúi đầu lại thấy nhớ quê nhà.

#### **Dịch thơ**

*Đầu giường ánh trăng rọi,*

*Ngõ mặt đất phủ sương.*

*Ngẩng đầu nhìn trăng sáng*

*Cúi đầu nhớ cố hương.*

(*Trương Như dịch*)

### **2.2. Phân tích kết cấu thơ Đường luật qua bài thơ Tĩnh dạ tứ**

Trong bài viết này, tác giả trình bày cấu trúc bài thơ *Tĩnh dạ tứ* của Lý Bạch, một trong những bài thơ rất nổi tiếng của ông và thơ ca đời Đường nói chung. Về phân loại, bài thơ trên được nhà thơ sáng tác theo thể thơ tứ tuyệt, một trong ba dạng thơ Đường luật đời nhà Đường. Như đã trình bày, thơ Đường luật còn gọi là thơ cận thể hay thơ cách luật. Thơ Đường luật có 3 dạng chính: thơ bát cú (mỗi bài 8 câu), thơ tứ tuyệt (mỗi bài 4 câu) và thơ bài luật (dạng kéo dài của thơ Đường luật). Phân tích kết cấu của bài thơ *Tĩnh dạ tứ* của Lý Bạch, tác giả trình bày các nội dung: *Luật (bằng - trắc), niêm, vần, bố cục* của bài thơ.

#### **2.2.1. Về luật (bằng trắc):**

Điều căn bản của thơ Đường luật là đối, đó là hai nguyên tắc đối âm và đối ý, nghĩa là lần lượt những chữ thứ nhất, thứ 2, thứ 3,... của câu trên phải đối với các chữ thứ nhất, thứ 2, thứ 3,... của câu dưới cả về âm và ý. Nhưng làm được như thế thì rất khó, vì vậy người ta quy ước *nhất tam ngũ bất luật* (chữ thứ nhất, thứ ba, thứ năm không cần theo luật).

#### **Đối âm (luật bằng – trắc)**

Luật thơ Đường căn cứ trên thanh bằng và thanh trắc dùng các chữ thứ 2-4-6 và 7 trong một câu thơ để xây dựng luật. Thanh bằng gồm các chữ có dấu huyền, dấu nặng nhẹ hay không dấu; thanh trắc gồm các dấu: sắc, hỏi, ngã, nặng. Có người chia thành sáu thanh trắc trong đó dấu sắc (') và dấu nặng (.) chia thành mỗi tiếng có hai thanh trắc nhập và trắc khứ. Nếu chữ thứ hai của câu đầu tiên dùng thanh bằng thì gọi là bài có “luật bằng”; nếu chữ thứ 2 câu đầu dùng thanh trắc thì gọi là bài có “luật trắc”. Theo luật này thì bài thơ được khảo sát thuộc luật bằng:

*Sàng tiền (B) minh nguyệt quang,*

*Nghi (B) thị địa thượng sương.*

*Cử đầu vọng minh nguyệt,*

*Đề đầu tư cố hương.*

Tuy nhiên, trong một câu, chữ thứ 2 và chữ thứ 6 không giống nhau về thanh điệu, đồng thời chữ thứ 4 phải khác hai chữ kia. (Ví dụ, nếu chữ thứ 2 và 6 là thanh bằng thì chữ thứ 4 phải dùng thanh trắc, hay ngược lại). Nếu một câu thơ Đường luật mà không theo quy định này thì được gọi “thất luật”. Cũng cần nói thêm, các nhà thơ giỏi đời Đường (Lý Bạch, Đỗ Phủ là điển hình) họ không chịu đi vào khuôn khổ của thơ Đường luật mà có những sáng tạo riêng. Lý Bạch

với phong cách thơ tự nhiên, hào phóng: “*Ông không chấp nhận những quy định ngặt nghèo về hình thức biểu hiện. Ông thích viết theo lối thơ nhạc phủ, cổ phong, tuyệt cú, những thể loại ít bị ràng buộc. Ông quan niệm: “Nước trong sẽ nở hoa sen/Thiên nhiên là đẹp chớ nên vẽ vờ”*” (Đỗ Đức Hiểu và cộng sự, 2004, tr.910).

Đối ý: Nguyên tắc cố định của một bài thơ Đường luật là ý nghĩa của hai câu 3 và 4 phải “đối” nhau và hai câu 5, 6 cũng “đối” nhau. Đối thường được hiểu là sự tương phản (về nghĩa kể cả từ đơn, từ ghép, từ láy) bao gồm cả sự tương đương trong cách dùng các từ ngữ. Đối chữ: danh từ đối danh từ, động từ đối động từ. Đối cảnh: trên đối dưới, cảnh động đối cảnh tĩnh,... Nếu một bài thơ Đường luật mà các câu 3, 4 không đối nhau, các câu 5, 6 không đối nhau thì bị gọi “thất đối”.

*Đầu giường ánh trăng rọi,*

*Ngẩng đầu nhìn trăng sáng,*

*Ngõ mặt đất phủ sương.*

*Cúi đầu nhớ cố hương.*

Dựa vào quy luật này bài thơ có đối nhau về ý: Ánh trăng (trên) >< mặt đất (dưới); Ngẩng đầu (động từ) >< cúi đầu (động từ) đối về hành động. Đối trong thơ Đường luật được xem là thử thách rất lớn đối với các nhà thơ đương thời, phản ánh nhận thức, trình độ, tài năng của người làm thơ. Cách sử dụng phép đối về hình ảnh, động từ trong thơ Lý Bạch trong bài thơ *Tĩnh dạ tứ* được các nhà nghiên cứu sau này đánh giá rất cao và xem là quy chuẩn tham khảo quan trọng.

#### 2.2.2. Về niêm:

Các câu trong một bài thơ Đường luật giống nhau về luật thì được gọi là “những câu niêm với nhau” (niêm = giữ cứng, ở đây được hiểu là giữ giống nhau về luật). Hai câu thơ niêm với nhau khi nào chữ thứ nhì trong cả hai câu cùng theo một luật, hoặc cùng là bằng, hoặc cùng là trắc, thành ra bằng niêm với bằng, trắc niêm với trắc. Ở những câu theo nguyên tắc là cần phải niêm, nếu tác giả sơ suất mà làm thành không niêm thì bài đó bị gọi là “thất niêm”.

*Đầu giường (B) ánh trăng rọi,*

*Ngẩng đầu (B) nhìn trăng sáng,*

*Ngõ mặt (T) đất phủ sương.*

*Cúi đầu (B) nhớ cố hương.*

Về niêm, có thể khẳng định, Lý Bạch đã thoát khỏi khuôn khổ về niêm trong quy định thơ Đường luật. Chỉ có câu luận và kết đảm bảo cùng bằng, câu đề và câu luận thì không cùng bằng (B), không cùng trắc (T).

#### 2.2.3. Về vần:

Vần là những chữ có cách phát âm giống nhau, hoặc gần giống nhau, được dùng để tạo âm điệu trong thơ. Trong một bài thơ Đường luật chuẩn, vần được dùng tại cuối các câu 1, 2, 4, 6 và 8. Những câu này được gọi là “vần với nhau”. Nếu một bài thơ Đường luật mà chữ cuối của một trong các câu này không giống nhau về vần thì được gọi “thất vần”.

Những chữ có vần giống nhau hoàn toàn gọi là “vần chính”, những chữ có vần gần giống nhau gọi là “vần thông”. Hầu hết thơ Đường luật dùng vần thanh bằng nhưng cũng có các ngoại lệ.

*Sàng tiền (B) minh nguyệt quang,*

*Cử đầu vọng minh nguyệt,*

*Nghi (B) thị địa thượng sương.*

*Đê đầu tư cố hương.*

Theo quy luật về vần của thơ Đường luật, chúng ta có thể kết luận, bài thơ đảm bảo về luật vần của thơ Đường: câu 2 và câu 4 cùng vần “ương” (vần chính), câu 1 vần “ang” vần với “ương” ở câu 2, câu 4 (vần thông).

#### 2.2.4. Về bố cục của bài thơ:

Bố cục một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật theo truyền thống thường được chia gồm 4 phần: Đề, Thực (hoặc Trạng), Luận, Kết. “Đề” gồm 2 câu đầu, trong đó câu đầu tiên gọi là câu phá đề, câu thứ 2 gọi là câu thừa đề, chuyển tiếp ý để đi vào phần sau. “Thực” gồm 2 câu tiếp theo, giải thích rõ ý đầu bài. “Luận” gồm 2 câu tiếp theo nữa, bình luận 2 câu thực. “Kết” là 2 câu cuối, kết thúc ý toàn bài, trong đó câu số 7 là câu “thúc” (hay “chuyển”) và câu cuối là “hợp”. Có người cho rằng, hai câu đề giới thiệu về thời gian, không gian, sự vật, sự việc. Hai câu thực trình bày, mô tả sự vật, sự việc. Hai câu luận diễn tả suy nghĩ, thái độ, cảm xúc về sự vật, hiện tượng. Hai câu kết khái quát toàn bộ nội dung bài theo hướng mở rộng và nâng cao.

Thất ngôn tứ tuyệt thực chất là một bài “thất ngôn bát cú” đem bỏ đi hai câu đầu hoặc hai câu cuối. Luật bằng trắc và niêm, vần... vẫn giữ nguyên, có thể bỏ luật đối ở hai câu 3, 4 hoặc 5, 6. Lúc này, nó sẽ thành một bài thơ “bốn câu ba vần”. Về bố cục bài thơ, có thể chia làm 2 phần: Phần 1: gồm 2 câu đầu: cảnh trăng sáng và tâm trạng của tác giả. Phần 2: gồm 2 câu cuối: nỗi nhớ quê hương của tác giả.

Về chủ đề và nội dung tư tưởng: Chủ đề về quê hương (nỗi nhớ quê hương). Bài thơ *Tĩnh dạ tứ* thể hiện một cách nhẹ nhàng mà thấm thía tình yêu quê hương của một người sống xa nhà, xa quê hương trong cảnh đêm trăng thanh tĩnh. Chủ đề ngắm trăng là một trong những chủ đề quen thuộc trong thơ Lý Bạch. Sở thích uống rượu, ngâm thơ, ngắm trăng của ông đã được người đời biết đến và hết sức ngưỡng mộ. Hai câu thơ đầu của bài thơ là những vần thơ miêu tả khung cảnh thiên nhiên trong đêm trăng thanh tĩnh với vẻ đẹp huyền ảo: *Đầu giường ánh trăng rọi/Ngõ mặt đất phủ sương*.

Câu thơ làm nổi bật lên cả về không gian và thời gian, đó là đêm khuya trong không gian tĩnh lặng tràn ngập ánh trăng. Ánh trăng đã len lỏi vào cả căn phòng, nơi nhà thơ đang nằm nghỉ. Người đọc có thể cảm nhận rõ không gian yên ắng, tĩnh lặng trong bức tranh ấy, cái tĩnh lặng không phải ở nhan đề bài thơ mà đã được gọi lên từ không gian chỉ có ánh trăng, không có sự xuất hiện của âm thanh. Đó là một sự tĩnh lặng tuyệt đối.

Trong không gian tĩnh lặng ấy, nhà thơ nhìn ra ánh trăng mà “ngõ mặt đất phủ sương”. Ánh trăng với màu trắng nhẹ in trên mặt đất khiến cho không gian thêm huyền ảo, tác giả đã từ sự cảm nhận bằng thị giác đến cảm nhận bằng xúc giác. Chính ánh trăng đẹp đẽ và không gian tĩnh lặng ấy đã là chất xúc tác để nhà thơ nhớ về nơi cố hương: *Ngẩng đầu nhìn trăng sáng/Cúi đầu nhớ cố hương*.

Sau khoảnh khắc ngơ ngàng trước ánh trăng trong không gian, nhà thơ ngẩng mặt lên và nhìn ánh trăng sáng, ánh trăng là biểu tượng cho sự đoàn viên. Trong hoàn cảnh đêm khuya lại có một mình nơi đất khách quê người, tác giả không khỏi nhớ về nơi quê nhà, cố hương của mình.

Đó chính là tức cảnh sinh tình, hai câu thơ như đối lập nhau nhưng sự đối lập đó chính là nét đặc biệt về nghệ thuật và nội dung: Ngẩng - cúi, nhìn - nhớ, trăng sáng - cố hương. Khi ngẩng đầu, nhà thơ chợt bắt gặp với những điều gần gũi, thân thuộc, đó chính là ánh trăng. Sự đoàn viên, những hoài niệm về quê cũ, mảnh đất cũ và những con người cũ đã bao năm không gặp lại khiến nhà thơ cúi đầu thể hiện nỗi xót xa khó lòng bày tỏ.

### 3. Kết luận

Tóm lại, *Tĩnh dạ tứ* là một trong những bài thơ thể hiện phong cách thơ Lý Bạch – yêu thiên nhiên, lãng mạn, tự nhiên, hào phóng... ẩn bên trong thơ là tâm sự của một người nặng lòng với quê hương, đất nước. Riêng bài thơ này, yếu tố cảnh và tình đan xen vào nhau phần nào nói lên được tâm trạng “rối bời” của tác giả trước thời cuộc và là một điểm khác biệt so với đặc trưng “tả cảnh” phần đầu và “tình” ở phần cuối của thơ Đường luật.

Thơ Đường luật có những quy định khá nghiêm ngặt về hình thức thể hiện và có giai đoạn dùng để đánh giá tài năng của các nhà thơ. Tuy nhiên, với tài năng và phong cách của mình, Lý Bạch đã có những phá luật trong thơ mang đến những điểm mới trong việc tìm hiểu về thơ Đường luật. Lý Bạch cùng với Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị đã đem đến cho thơ Đường đạt đến đỉnh cao của nó. Các nhà thơ nói trên đồng thời có ảnh hưởng lâu dài đến thơ ca cổ điển Trung Quốc và thơ ca chữ Hán ở một số nước đồng văn.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Bá Hán, Trần Đình Sử và Nguyễn Khắc Phi (2000). *Từ điển thuật ngữ Văn học*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.
- [2] Đỗ Đức Hiểu và cộng sự (2004). *Từ điển Văn học (bộ mới)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thế giới.
- [3] Nguyễn Bích Thuận (2005). *Thơ Đường Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị*. Đồng Nai: Nhà xuất bản Đồng Nai.
- [4] Lê Huy Tiêu (chủ biên) và các đồng sự dịch (2003). *Lịch sử văn học Trung Quốc (tập 1)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.

**Ngày nhận: 22/7/2023**

**Ngày phản biện: 31/7/2023**

**Ngày duyệt đăng: 25/8/2023**